

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/02/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**

2. Bà **Phạm Thanh Tuyền**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

* Bị đơn: Ông **Đặng Văn R**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Bà H; ông R có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:***

Vào năm 1989, bà có chung sống với ông Đặng Văn R (không có đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ, tính cách, ông R không lo làm ăn suốt ngày ăn nhậu say sưa không có trách nhiệm gì với gia đình, đã vậy còn về kiếm chuyện vô cớ đánh đập vợ con, có lần ông dùng hung khí đánh bà bị thương tích nặng. Nhiều lần bà có trình báo chính quyền can thiệp nhưng không bao lâu ông vẫn chứng nào tật nấy. Thời gian qua bà vẫn cố gắng chịu đựng nhưng thời gian kéo dài nhưng ông không để mẹ con bà có giấc ngủ ngon, vì không chịu đựng được nữa nên mấy tháng nay bà phải ra ngoài bán vé số sinh sống nhưng ông cứ kiếm chuyện quậy quạng, hành hung bà. Nhận thấy cuộc hôn nhân không hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung là Đặng Văn N, sinh ngày 08/8/1990; Đặng Thị D, sinh ngày 01/01/1992; Đặng Hồng L, sinh ngày 10/11/1998. Hiện các con đã có gia đình sống tự lập

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn R; về con chung các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 12 năm 2023 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Văn R có ý kiến trình bày:***

Vào năm 1989, ông và bà H về sống chung với nhau, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 03 người con chung là Đặng Văn N, sinh năm 1990; Đặng Thị D, sinh năm 1992; Đặng Hồng L, sinh năm 1998. Tài sản chung, nợ chung không có.

Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý. Về con chung các con đã trưởng thành có gia đình riêng tư, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Bà H, ông R: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Đặng Văn R xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Trần Thị H và ông Đặng Văn R là vợ chồng. Bà H và ông R xác định có 03 con chung Đặng Văn N, sinh ngày 08/8/1990; Đặng Thị D, sinh ngày 01/01/1992; Đặng Hồng L, sinh ngày 10/11/1998. Hiện 03 con chung đã trưởng thành tự lao động được không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Đặng Văn R xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị H và ông Đặng Văn R có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông, bà trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị H và ông Đặng Văn R thống nhất trình bày hai ông, bà tiến đến hôn nhân vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà H và ông R đã thật sự trầm trọng vì từ khi nhận thông báo thụ lý vụ án bị đơn ông R thể hiện không muốn đoàn tụ, xin vắng mặt các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Phía nguyên đơn bà H yêu cầu ly hôn, thì ông đồng ý. Đồng thời cả hai đã có thời gian ly thân nhưng vẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ. Do bà H, ông R có đủ điều kiện để

đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định nguyên đơn bà H và bị đơn ông R không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Đặng Văn R xác định có 03 con chung là Đặng Văn N, sinh ngày 08/8/1990; Đặng Thị D, sinh ngày 01/01/1992; Đặng Hồng L, sinh ngày 10/11/1998. Hiện 03 con chung đã trưởng thành tự lao động được không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông R xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị H và ông Đặng Văn R là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Đặng Văn R xác định có 03 con chung là Đặng Văn N, sinh ngày 08/8/1990; Đặng Thị D, sinh ngày 01/01/1992; Đặng Hồng L, sinh ngày 10/11/1998. Hiện 03 con chung đã trưởng thành tự lao động được không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông R xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005024 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên được căn trừ xem như bà H đã thi hành xong phần án phí.

5. Bà Trần Thị H, ông Đặng Văn R có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

